

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST

Ngày 04 – 8 – 2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Minh Hoàng.

2. Ông Đào Việt Khái.

- Thư ký phiên toà: Ông Châu Sơn Ca – Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 184/2025/TLST - HNGĐ ngày 22/5/2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị An T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp Kiến V, xã Nguyễn Việt K, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp Kiến V, xã Nguyễn Việt K, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị An T và anh Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu giữa vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2025, giữa anh H và chị T xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh H và gia đình anh Hiệp dùng lời lẽ xúc phạm, không tôn trọng chị T nên vợ chồng thường hay cãi vã với nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện chị T xác định không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Riêng anh H cho rằng mâu thuẫn chị T trình bày là đúng nhưng mâu thuẫn đó chưa đến mức trầm trọng bởi vợ chồng còn sinh hoạt bình thường và chị T hiện đang mang thai con của anh khoảng năm tháng, anh vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn mà yêu cầu Tòa án hòa giải, đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm sóc con cái.

Về con chung là Nguyễn Hoàng Hiền, sinh ngày 20/01/2011. Hiện cháu Hiền đang học tập tại trường khuyết tật tỉnh Cà Mau nên khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Riêng anh H cho rằng nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị T ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị T nuôi và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, anh H và chị T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị T và anh H khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau từ năm 2008 đến nay tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định nên căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý. Mặc dù, các đương sự thừa nhận nguyên đơn hiện đang mang thai 05 tháng và bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn cương quyết ly hôn, không đồng ý tiếp tục chung sống với bị đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn tuy đang có thai nhưng đối chiếu quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nguyên đơn vẫn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Hơn nữa, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có vi phạm quy định về đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân trên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, việc bị đơn yêu cầu hòa giải, đoàn tụ không được chấp nhận. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[3] Về con chung là Nguyễn Hoàng Hiền, sinh ngày 20/01/2011. Khi ly hôn, các đương sự thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con và việc thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận. Tuy giao cháu Hiền cho nguyên đơn trực tiếp nuôi nhưng bị đơn vẫn có các quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Trường hợp trong quá trình nuôi dưỡng, do hoàn cảnh nguyên đơn có khó khăn hoặc có hành vi cản trở việc bị đơn thực hiện các quyền nêu trên đối với con thì bị đơn có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Ngược lại, bị đơn lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bị đơn.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, tuy đã được Hội đồng xét xử giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng nguyên đơn xác định đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con nên không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng – Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của đương sự nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, các đương sự xác định là có nhưng các đương sự tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung, các đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân, không công nhận vợ chồng giữa chị Trần Thị An T và anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung là Nguyễn Hoàng Hiền, sinh ngày 20/01/2011. Khi ly hôn, tiếp tục giao cháu Hiền cho chị Trần Thị An T chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra nghĩa vụ anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc và nuôi dạy con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, chị Trần Thị An T và anh Nguyễn Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung, chị Trần Thị An T và anh Nguyễn Văn H khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Trần Thị An T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 20/5/2025, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0004150 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lâm Hoài Ân